

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 155/2026/HNGĐ-ST
Ngày 16 – 4 – 2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hoàng Nghiệp

Ông Nguyễn Công Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 4 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 324/2026/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 291/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc D, sinh năm 2000 (vắng mặt).

Số căn cước công dân: 096300004572.

Địa chỉ: Ấp H, xã T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Trà Khánh D1, sinh năm 1999 (vắng mặt).

Số căn cước công dân: 096099009978.

Địa chỉ: Ấp K, xã T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị D trình bày:

- Về hôn nhân: Chị D và anh D1 tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 11 năm 2025, được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống nhưng không đăng ký kết hôn, trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn tình cảm, không chung sống khoảng 01 tháng, nay chị xác định vợ chồng không thể duy trì cuộc sống hôn nhân nên chị yêu cầu được ly hôn với anh D1.

- Về con chung: Hiện tại chị **D** mang thai khoảng 3 tháng, chị không yêu cầu giải quyết về con chung, trường hợp có tranh chấp phát sinh sẽ yêu cầu sau.
- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận; Về nợ chung: Không có.

Anh Duy trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị **D**, anh chị chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn, anh chị không có mâu thuẫn gì lớn, chị **D** đang mang thai, anh vẫn còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, anh thống nhất ý kiến với chị **D** về con chung, tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị **D** và anh **D1** chung sống với nhau tháng 11 năm 2025 nhưng không đăng ký kết hôn, chị **D** yêu cầu ly hôn với lý do quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và không còn chung sống khoảng 01 tháng, anh **D1** không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng...”*. Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến yêu cầu xin ly hôn mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận vợ chồng giữa hai đương sự là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị **D** và anh **D1** xác định chị **D** đang có thai 03 tháng, không yêu cầu giải quyết về con chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Đương sự xác định tự thỏa thuận; Về nợ chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp về các vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị **D** phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị **Nguyễn Ngọc D** và anh **Trà Khánh D1** là vợ chồng.
2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị **D** phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003317 ngày 01/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, chị **D** đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.
3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.
4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Dũng Liêm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Trường

Trần Hoàng Nghiệp

Hồ Dũng Liêm

